

**THÔNG TIN TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ DÂN SỰ NĂM 2026
Thông tin tuyển sinh trình độ Đại học hệ dân sự năm 2026**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

- Tên tiếng Việt: Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh
- Tên tiếng Anh: Academy of Security Engineering and Technology

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: KTH

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Cơ sở 1: Tại xã Hoà Lạc, thành phố Hà Nội.
- Cơ sở 2: Tại phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://hvktcnan.bocongan.gov.vn>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh: <https://hvktcnan.bocongan.gov.vn>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0989953286 (Đồng chí Nguyễn Xuân Trường)

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: <https://hvktcnan.bocongan.gov.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Quy định chung

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh theo Điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT), cụ thể như sau:

- Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm: Người đã được công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định; Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Quy chế tuyển sinh.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Đối với chuyên ngành Công nghệ điện tử và vi mạch bán dẫn đạt các yêu cầu theo Quyết định số 1341/QĐ-BGDĐT, ngày 13/5/2025 về Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ và Quyết định số 2101/QĐ-BGDĐT, ngày 22/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ.

1.2. Quy định cụ thể cho từng phương thức tuyển sinh

1.2.1. Phương thức 1 - Xét tuyển tài năng

(1) *Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển*: Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 1.1 thí sinh cần có thêm điều kiện đoạt giải quốc gia, quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Tin học. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

b) Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng.

(2) *Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL)*: Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 1.1 thí sinh cần có thêm một trong những điều kiện sau:

a) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn Toán, Vật lý, Hóa học hoặc Tin học; Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế; thời gian tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

b) Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đoạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 (bảy phẩy không) trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

c) Là học sinh chuyên của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (*các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học*) hoặc hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 (bảy phẩy không) trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

1.2.2. *Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (Chứng chỉ SAT) hoặc Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL, TOEIC) với kết quả học tập ở bậc Trung học phổ thông.*

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 1.1, thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau:

a) Thí sinh có kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT từ 900/1600 trở lên, trong thời hạn 24 tháng (tính đến ngày đăng ký dự tuyển); có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 (bảy phẩy không) trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

b) Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế dưới đây còn thời hạn 24 tháng (tính đến ngày đăng ký dự tuyển) và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,0 (bảy phẩy không) trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên:

- Chứng chỉ tiếng Anh IELTS đạt từ 5.0 trở lên.

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT đạt từ 35 trở lên.

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC đạt phần Listen & Reading tương ứng 500 & 599 trở lên và đạt phần Speaking & Writing tương ứng 200 & 241 trở lên.

Ghi chú: Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với Test Center theo hình thức Home Edition sẽ không được chấp nhận.

1.2.3. Phương thức 3 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở *mục 1.1*, thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành/chương trình của Học viện.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026 Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh sử dụng 03 phương thức sau để xét tuyển đại học chính quy hệ dân sự:

Phương thức 1: Xét tuyển tài năng.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (Chứng chỉ SAT) hoặc Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL, TOEIC) với kết quả học tập ở bậc Trung học phổ thông.

Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

- Đối với các phương thức 1, 2: ngưỡng đầu vào là điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng phương thức được quy định tại mục II.1.

- Đối với phương thức 3: Học viện công bố điểm ngưỡng đầu vào sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của Bộ GDĐT.

3.2. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Học viện sẽ công bố quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển sau khi có kết quả và phổ điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo hướng dẫn chung

của Bộ GDĐT. Thời gian công bố cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu:100, cụ thể cho các chuyên ngành đào tạo như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
1	KTHDS01	Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo	7480201	Công nghệ thông tin	50	Phương thức 1, 2, 3	A00, A01, D01, X06, X10, X26
2	KTHDS05	Công nghệ điện tử và vi mạch bán dẫn	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	50	Phương thức 1, 2, 3	A00, A01, A02, C01, X07

Tên tổ hợp	Môn học
A00	Toán, Vật lý, Hóa học
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lý, Sinh học
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
X06	Toán, Vật lý, Tin học
X07	Toán, Vật lý, Công nghệ công nghiệp
X10	Toán, Hoá học, Tin học
X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Học viện

5.1. Tiêu chí phụ và sơ tuyển

- Thí sinh không phải sơ tuyển.
- Học viện không sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển ngoài các tiêu chí theo quy định của Bộ GDĐT.

- Thí sinh lưu ý cập nhập thông tin khi có thay đổi, hiệu chỉnh, hiệu đính của Thông tin này và của Bộ GDĐT;

5.2. Điểm cộng

5.2.1. Điểm thưởng

Áp dụng đối với đối tượng đủ điều kiện Xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng ban hành kèm Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/2/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

TT	Loại Giải đạt được	Điểm thưởng (theo thang điểm 30)
1	Giải Nhất cấp Quốc gia	3,00 điểm
2	Giải Nhì cấp Quốc gia	2,75 điểm
3	Giải Ba cấp Quốc gia	2,50 điểm

5.2.2. Điểm xét thưởng

- Điều kiện xét thưởng: Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia *hoặc* đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học.

- **Không** áp dụng đối với Phương thức Xét tuyển tài năng.

- Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.

- **Mức điểm xét thưởng:**

TT	Loại Giải đạt được	Điểm xét thưởng (theo thang điểm 30)
1	- Giải Khuyến khích cấp quốc gia - Giải Nhất	1,50 điểm
2	Giải Nhì	1,25 điểm
3	Giải Ba	1,00 điểm
4	Giải Khuyến khích	0,75 điểm

5.2.3. Điểm khuyến khích

- Điều kiện xét thưởng: Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL, TOEIC) còn trong thời hạn.

- **Không** áp dụng đối với Phương thức Xét tuyển tài năng (đối với thí sinh đã sử dụng Giải học sinh giỏi môn tiếng Anh).

- Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại chứng chỉ có thành tích cao nhất.

- Mức điểm khuyến khích:

TT	IELTS (Academic)	TOEFL IBT	TOEIC (L&R và S&W)	Điểm khuyến khích
1	8.0 - 9.0	110-120	900-990 và 325-400	1,5
4	6.5 - 7.5	79-109	730-899 và 271-324	1,0
7	5.0 - 6.0	35-78	500-729 và 200-270	0,5

5.2.4. Các mức Điểm cộng (Điểm thưởng, Điểm xét thưởng, Điểm khuyến khích) nêu trên được xác định theo thang điểm 30 và sẽ được quy đổi theo thang điểm tương ứng của từng Phương thức tuyển sinh và đảm bảo tổng Điểm cộng không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét.

Tổng điểm ưu tiên, điểm cộng đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 điểm trở lên được xác định như sau:

$$\text{Điểm ưu tiên, Điểm cộng} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,50] \times (\text{ĐT} + \text{KV} + \text{ĐC})$$

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bước 1: Đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GDĐT từ ngày 2/7 đến 17 giờ 00 ngày 14/07/2026. Thí sinh đăng ký tối đa 15 nguyện vọng và các nguyện vọng được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh đăng ký nguyện vọng gồm các thông tin: Thứ tự nguyện vọng; Mã trường, Tên trường; Mã ngành; Tên ngành/ chương trình.

Bước 2: Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống của Bộ GDĐT từ ngày 15/7/2026 đến 17h00 ngày 21/7/2026.

Bước 3: Giải quyết sai sót của thí sinh (nếu có) từ ngày 22/7/2026 đến 17h00 ngày 24/7/2026.

Bước 4: Xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống của Bộ GDĐT trước 17h00 ngày 21/8/2026.

6.2. Nộp hồ sơ dự tuyển về Học viện

Để phục vụ công tác xét tuyển, các thí sinh ngoài đăng ký xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung đồng thời nộp hồ sơ về Học viện như sau:

a) Cách thức nộp hồ sơ

Nộp hồ sơ thông qua các hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh.
- Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính. Học viện tiếp nhận hồ sơ dự tuyển

được căn cứ vào dấu ngày của bưu cục mà thí sinh gửi hồ sơ.

- Nộp hồ sơ qua email của Học viện (hvkctcnan@gmail.com). Khi đăng ký, thí sinh phải đăng tải các minh chứng bảo đảm yêu cầu xét tuyển. Khi nhập học, thí sinh phải nộp đầy đủ hồ sơ theo thông báo.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ dự tuyển: Phòng Quản lý đào tạo và bồi dưỡng nâng cao, Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh (*địa chỉ: phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; SĐT: 0989953286*).

b) Thời gian tiếp nhận: **trước 17h00' ngày 20/6/2026.**

6.3. Hồ sơ cần nộp để xét tuyển

6.3.1. Đối với Phương thức 1

a) Phiếu đăng ký dự tuyển;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* Giấy xác nhận đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia *hoặc* Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương. *Hoặc* Giấy xác nhận là học sinh chuyên các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) *hoặc* hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia (*nếu học bạ THPT không ghi hệ chuyên*);

c) Bản sao Học bạ THPT, trong trường hợp thí sinh chưa xin được Học bạ THPT thì có thể thay thế bằng Bản xác nhận kết quả học tập các môn học năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 có ký và đóng dấu của trường THPT;

d) Bản sao Căn cước/Căn cước công dân;

đ) Bản sao công chứng các giấy tờ chứng minh thí sinh được hưởng cộng điểm ưu tiên;

e) 02 ảnh 3x4 chụp không quá 6 tháng;

g) Giấy khám sức khỏe (không quá 06 tháng đến ngày nộp hồ sơ).

6.3.2. Đối với Phương thức 2

a) Phiếu đăng ký dự tuyển;

b) Bản sao Chứng chỉ quốc tế SAT *hoặc* Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển);

c) Bản sao Học bạ THPT, trong trường hợp thí sinh chưa xin được Học bạ THPT thì có thể thay thế bằng Bản xác nhận kết quả học tập các môn học năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 có ký và đóng dấu của trường THPT;

d) Bản sao Căn cước/Căn cước công dân;

đ) Bản sao công chứng các giấy tờ chứng minh thí sinh được hưởng cộng điểm ưu tiên;

e) 02 ảnh 3x4 chụp không quá 6 tháng;

g) Giấy khám sức khỏe (không quá 06 tháng đến ngày nộp hồ sơ).

6.3.3. Đối với Phương thức 3

a) Phiếu đăng ký dự tuyển;

b) Bản sao Căn cước/Căn cước công dân;

c) Bản sao công chứng các giấy tờ chứng minh thí sinh được hưởng cộng điểm ưu tiên;

d) 02 ảnh 3x4 chụp không quá 6 tháng;

e) Giấy khám sức khỏe (không quá 06 tháng đến ngày nộp hồ sơ).

Ghi chú: Hồ sơ gửi về Học viện qua đường điện tử thì gộp các bản sao trên trong 01 file dạng pdf.

7. Chính sách ưu tiên

Theo quy định của Bộ GDĐT.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

8.1. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định của Bộ GDĐT và theo thông báo của Học viện

8.2. Lệ phí xét hồ sơ: 50.000 đồng/hồ sơ.

Tên tài khoản: Học viện Kỹ thuật và Công nghệ an ninh

Số tài khoản: 8668899988

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Thanh Xuân

9. Cam kết của Học viện trong các trường hợp rủi ro

- Học viện cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Học viện.

- Trong trường hợp chuyên ngành đào tạo không tuyển đủ chỉ tiêu mở lớp Học viện sẽ điều chỉnh sang chuyên ngành gần với chuyên ngành của thí sinh đăng ký.

10. Các nội dung khác

10.1. Cách tính điểm xét tuyển

10.1.1. Phương thức Xét tuyển tài năng

a) Đối với xét tuyển thẳng: Thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.

b) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL)

$$\text{Điểm HSNL} = \frac{1}{2} \times \text{ĐHL} + \frac{1}{2} \times \text{ĐTT} + \text{ĐC (nếu có)} + \text{ĐUT (nếu có)}$$

Trong đó:

- Điểm HSNL được quy đổi theo thang điểm 30;

- ĐC: Điểm cộng thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Học viện.

- ĐUT là điểm ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Điểm học lực (ĐHL): được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đã đăng ký xét tuyển, cụ thể:

$$\text{ĐHL} = \text{ĐBQM1} + \text{ĐBQM2} + \text{ĐBQM3}$$

$$\text{với } \text{ĐBQM} = \frac{(\text{ĐL10} + \text{ĐL11} + \text{ĐL12})}{3}$$

Trong đó:

- ĐBQM1: Điểm bình quân môn 1
- ĐBQM2: Điểm bình quân môn 2
- ĐBQM3: Điểm bình quân môn 3
- ĐBQM: Điểm bình quân môn
- ĐL10: Điểm năm lớp 10
- ĐL11: Điểm năm lớp 11
- ĐL12: Điểm năm lớp 12

Điểm thành tích (ĐTT) được xác định cụ thể như sau:

TT	Thành tích	Điểm thành tích	Ghi chú
1	Thành tích tại kỳ thi Học sinh giỏi		
1.1	Giải Khuyến khích Quốc gia; Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế	30	
1.2	Giải Nhất cấp Tỉnh/Thành phố TW	28	
1.3	Giải Nhì cấp Tỉnh/Thành phố TW	26	
1.4	Giải Ba cấp Tỉnh/Thành phố TW	24	
1.5	Giải Khuyến khích cấp Tỉnh/Thành phố TW	22	
2	Học sinh chuyên (không có giải), Thí sinh tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	20	

Ghi chú: Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.

10.1.2. Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (Chứng chỉ SAT) hoặc Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL, TOEIC) với kết quả học tập ở bậc Trung học phổ thông

$$\text{ĐXT} = \frac{1}{2} \times (\text{ĐSAT hoặc ĐTA}) + \frac{1}{2} \times \text{ĐHL} + \text{ĐC (nếu có)} + \text{ĐUT (nếu có)}$$

Trong đó:

- ĐSAT: Điểm bài thi Chứng chỉ SAT (Scholastic Assessment Test).
- ĐTA: Điểm bài thi Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế.
- Điểm học lực (ĐHL): được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đã đăng ký xét tuyển, cụ thể:

$$\text{ĐHL} = (\text{ĐBQM1} + \text{ĐBQM2} + \text{ĐBQM3})$$

$$\text{với } \text{ĐBQM} = \frac{(\text{ĐL10} + \text{ĐL11} + \text{ĐL12})}{3}$$

Trong đó:

- ĐBQM1: Điểm bình quân môn 1
- ĐBQM2: Điểm bình quân môn 2
- ĐBQM3: Điểm bình quân môn 3
- ĐBQM: Điểm bình quân môn
- ĐL10: Điểm năm lớp 10
- ĐL11: Điểm năm lớp 11
- ĐL12: Điểm năm lớp 12
- ĐC: Điểm cộng thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Học viện.
- ĐUT là điểm ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.
- Các điểm thành phần trên được quy về thang điểm 30.

10.1.3. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

$$\text{ĐXT} = \text{M1} + \text{M2} + \text{M3} + \text{ĐC (nếu có)} + \text{ĐUT (nếu có)}$$

Trong đó:

- M1, M2, M3 là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT của 03 bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các chuyên ngành của Học viện.
- ĐC: Điểm cộng thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Học viện.
- ĐUT là điểm ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.
- Thí sinh được phép quy đổi điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển khi có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Trường hợp không có môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển, thí sinh được sử dụng điểm cộng (ĐC) vào ĐXT. Thí sinh chỉ được sử dụng 1 trong 2 lựa chọn trên, điểm tiếng Anh dùng quy đổi chỉ thực hiện trong ĐTX cuối cùng.

10.2. Nguyên tắc xét tuyển

- Học viện xác định quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026;
- Thí sinh phải đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng quy đổi của phương thức xét tuyển mới đủ điều kiện xét tuyển;
- Đối với một ngành/chương trình tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;
- Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng (*không có điểm chênh lệch giữa các nguyện vọng trong cùng một ngành/ chương trình*), nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng ở thứ tự ưu tiên thứ nhất (nguyện vọng 1) thì sẽ được tự động xét tuyển ở nguyện vọng ưu tiên thứ hai (nguyện vọng 2) và kế tiếp;
- Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký, khi đã trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì không được xét tuyển tiếp ở nguyện vọng sau;
- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, Học viện *không sử dụng tiêu chí phụ riêng* để xét tuyển;
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định theo kế hoạch của Bộ GDĐT. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất

- Hệ dân sự trước năm 2026 Học viện chưa thực hiện tuyển sinh.
- Hệ Công an thông tin tuyển sinh như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1	7480200	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần	7480200	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần	PT1	14	0	Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	20	1	Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT
2	7480200	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần	7480200	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần	PT2	28	3	Xét tuyển thẳng theo quy định của BCA	199	199	Xét theo thang điểm 30
3	7480200	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần	7480200	Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần	PT3	137	137	Xét theo thang điểm 30			
	Miền Bắc					67	67	Nam: 19.92	99	99	Nam: 21.70 ^d
								Nữ: 22.38			Nữ: 25.21
	Miền Nam					70	70	Nam: 17.81	100	100	Nam: 20.53
								Nữ: 21.07			Nữ: 23.96
4	7720101	Y khoa gửi HVQY-BQP	7720101	Y khoa	PT1				5	0	Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ
	7720101	Y khoa gửi HVQY-BQP	7720101	Y khoa	PT2,3				50	50	Nam: 20.01 Nữ: 23.49
5	7720100	Y khoa gửi ĐHYD - ĐHQGHN	7720101	Y khoa	PT2,3				31	31	19.05
6	7520207	Kỹ thuật điện tử viễn thông gửi HVKTMM	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	PT2,3				20	20	20.33

PHỤ LỤC 1
THỜI GIẠN TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY HỆ DÂN SỰ NĂM 2026

TT	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện
I	TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐỢT 1	
1	Thí sinh cung cấp đầy đủ hồ sơ đăng ký xét tuyển dựa theo các phương thức gửi về Học viện gồm: <i>Phương thức 1:</i> Xét tuyển tài năng. <i>Phương thức 2:</i> Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (Chứng chỉ SAT) hoặc Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL, TOEIC) với kết quả học tập ở bậc Trung học phổ thông.	Trước 17h00' ngày 20/6/2026 (tính theo dấu bưu điện tại thời điểm gửi hồ sơ)
2	<i>Phương thức 3:</i> Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT (Trung học phổ thông) năm 2026	Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Xét tuyển thẳng trong <i>Phương thức 1</i> và thông báo kết quả cho thí sinh, cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển xét tuyển thẳng lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước ngày 30/6/2026
4	Thí sinh tốt nghiệp năm 2026 thực hiện tạo tài khoản đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện theo kế hoạch của Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố TW
5	Thí sinh (đã tốt nghiệp THPT) chưa có tài khoản ĐKXT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên hệ Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố để được cấp tài khoản	Từ ngày 01/5 đến ngày 20/5/2026
6	Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng (NV) xét tuyển (không giới hạn số lần) trong thời gian quy định trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ ngày 02/7 đến 17h00' ngày 14/7/2026
7	Điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đối tương đương trên Hệ thống và trang thông tin điện tử của Học viện	Trước 17h00' ngày 10/7/2026
8	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến	Từ ngày 15/7/2026 đến 17h00' ngày 21/7/2026
9	Tổ chức xét tuyển	Từ ngày 29/7/2026 đến trước 17h00' ngày 13/8/2026
10	Thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1	Trước 17h00' ngày 13/8/2026
11	Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17h00' Ngày 21/8/2026
II	TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ VÀ XÉT TUYỂN BỔ SUNG	
1	Thông báo tuyển sinh đợt bổ sung	Từ 22/8/2026
2	Xét tuyển các đợt tiếp theo và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định	Từ tháng 8 đến 12/2026

PHỤ LỤC 2
BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY HỆ DÂN SỰ NĂM 2026

TT	Điểm quy đổi	IELTS (Academic)	TOEFL IBT	TOEIC (L&R và S&W)	SAT
1	10	9.0	118-120	945-990 và 376-400	1500-1600
2	10	8.5	115-117	945-990 và 351-375	1500-1600
3	10	8.0	110-114	900-944 và 325-350	1400-1499
4	10	7.5	102-109	850-899 và 300-324	1400-1499
5	9,0	7.0	94-101	785-849 và 286-299	1300-1399
6	8,5	6.5	79-93	730-784 và 271-285	1200-1299
7	8,0	6.0	60-78	680-729 và 257-270	1100-1199
8	7,5	5.5	46-59	600-679 và 242-256	1000-1099
9	7,0	5.0	35-45	500-599 và 200-241	900-999

Ghi chú: Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với Test Center theo hình thức Home Edition sẽ không được chấp nhận.